TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2022/HNGĐ-PT
Ngày 21 - 8 - 2022
V/v Xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Tuấn Minh.

Các Thẩm phán: Bà Đinh Thị Mai Lan; Ông Đinh Huy Hiệp.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Trúc Quỳnh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La tham gia phiên toà:*** Ông Phạm Quốc Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La xét xử phúc thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 09/2021/TLPT- HNGĐ ngày 13 tháng 4 năm 2021 về việc xin ly hôn, do bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 01/2021/HNGĐ-ST ngày 18 tháng 10 năm 2021 của Toà án nhân dân huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 09/2022/QĐPT-HNGĐ ngày 18 tháng 6 năm 2022; Quyết định hoãn phiên toà số: 22/2022/QĐHPT-PT ngày 21 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị H, sinh năm 1989. Địa chỉ: Tiểu khu X, xã CS, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La. Chỗ ở hiện nay: Thôn Đại Mạch, xã Kim Chung, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội. Có mặt.

***- Bị đơn*:** Anh Nguyễn Trung K, sinh năm 1982. Địa chỉ: Tiểu khu X, xã CS, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La. Có mặt.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà Ngô Thị D, sinh năm 1950 và ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1946. Địa chỉ: Tiểu khu X, xã CS, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La - Uỷ quyền cho anh Nguyễn Trung K tham gia phiên toà.

- Người kháng cáo: Bị đơn anh Nguyễn Trung K.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị H trình bày:***

- Về hôn nhân: Chị Trần Thị H và anh Nguyễn Trung K kết hôn với nhau vào ngày 05/7/2012, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Phục Linh, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

Sau khi kết hôn, chị và anh K không ai phải đi làm dâu hay ở rể mà ra ở riêng, cả hai anh chị đi làm công ty ở Hà Nội. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2017 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chính là do vợ, chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình cùng chính quyền địa phương hòa giải xong không đạt kết quả. Vợ, chồng chị đã sống ly thân với nhau từ tháng 10/2020 đến nay. Nay chị H xác định tình cảm không còn, nguyện vọng của chị xin được ly hôn với anh Nguyễn Trung K.

- Về con chung: Anh chị có 02 con chung là cháu Nguyễn An Ng, sinh ngày 14/5/2015 và cháu Nguyễn Ngọc Minh C, sinh ngày 14/7/2017.

Nguyện vọng của chị Trần Thị H xin nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Ngọc Minh C. Anh Nguyễn Trung K nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn An Ng và không bên nào phải đóng góp tiền nuôi con cho bên nào.

- Về tài sản chung: Chị H xác định, quá trình chung sống với anh K, anh chị đã gây Dng được số tài sản bao gồm:

+ 01 nhà xây cấp 4 + bếp cùng đầy đủ công trình phụ nằm trên diện tích đất 566m^2 (đất đã có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Trần Thị H và Nguyễn Trung K). Về nguồn gốc đất là do ông Nguyễn Văn Đ và bà Ngô Thị D là bố mẹ đẻ của anh Nguyễn Trung K cho hai anh chị sau khi kết hôn.

+ Các tài sản khác gồm: 01 ti vi nhãn hiệu Sam Sung, trị giá 10.000.000đ; 01 điều hòa trị giá 8.000.000đ; 01 tủ lạnh trị giá 4.000.000đ; 01 máy giặt trị giá 5.000.000đ. Phần tài sản này, chị và Kiên sẽ tự thỏa thuận phân chia, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Đối với tài sản là nhà và đất, chị đề nghị chia như sau: Chị H sử dụng 01 phần đất hàng năm khác (phần đất không có nhà), phần đất còn lại giao cho anh K sử dụng (phần đất có nhà là đất thổ cư cùng một phần đất hàng năm khác).

- Về vay nợ chung: Không vay nợ ai.

- Về án phí: Chị H tự nguyện chịu án phí theo quy định của pháp luật.

**** Bị đơn anh Nguyễn Trung K trình bày:***

- Về hôn nhân: Anh K hoàn toàn nhất trí với phần trình bày của chị H về thời gian kết hôn, điều kiện kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh nhất trí ly hôn với chị H.

- Về con chung: Có 02 cháu là Nguyễn An Ng, sinh ngày 14/5/2015 và Nguyễn Ngọc Minh C, sinh ngày 14/7/2017.

Trường hợp ly hôn, nguyện vọng của anh xin được nuôi dưỡng, giáo dục cả hai cháu và yêu cầu chị H phải đóng góp tiền nuôi con cùng anh đối với cháu

Nguyễn Ngọc Minh C một tháng là 3.000.000đ. Hiện mức thu nhập của anh là 5.000.000đ/tháng.

- Về tài sản chung: Anh K xác định, quá trình chung sống với chị H anh chị có gây Dng được khối tài sản bao gồm:

+ 01 nhà xây cấp 4 + bếp cùng đầy đủ công trình phụ nằm trên diện tích đất 566m^2. Đất đã có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Trần Thị H và Nguyễn Trung K theo Quyết định số 3128/QĐ-UBND ngày 19/02/2020 của UBND huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La cấp. Về nguồn gốc diện tích đất trên là của bố mẹ đẻ anh là bà Ngô Thị D và ông Nguyễn Văn Đ cho vợ chồng anh sau khi anh chị kết hôn. Trị giá nhà và đất anh không xác định được. Trường hợp ly hôn, anh K đề nghị trả lại diện tích đất mà bố mẹ anh đã cho.

+ Các tài sản khác gồm: 01 ti vi nhãn hiệu Sam Sung, trị giá 10.000.000đ; 01 điều hòa trị giá 8.000.000đ; 01 tủ lạnh trị giá 4.000.000đ; 01 máy giặt trị giá 5.000.000đ. Về số tài sản này anh chị tự phân chia, không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không vay nợ ai.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Ngô Thị D và ông Nguyễn Văn Đ trình bày:***

Ông Đ và bà D là bố mẹ đẻ của anh K, chị H là con dâu. Ngày 05/7/2012 chị H và anh K kết hôn với nhau, sau khi kết hôn anh chị đi làm Công ty ở dưới Hà Nội, ngày tết mới về và thi thoảng các cháu mới về thăm ông bà. Sau khi anh K và chị H kết hôn vợ chồng ông bà cho chị H và anh K 01 diện tích đất tại tiểu khu X, xã CS, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La. Hiện nay diện tích đất này đã được UBND huyện Mộc Châu cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Nguyễn Trung K và Trần Thị H. Nay chị H xin ly hôn với anh K, nguyện vọng của vợ chồng ông bà là lấy lại diện tích đất mà vợ chồng ông đã cho anh K chị H để vợ chồng ông bà quản lý cho các cháu sau này. Quá trình chung sống hai anh chị H, Kiên không vay mượn gì của ông bà.

Ngày 25/10/2021, ông Nguyễn Văn Đ, bà Ngô Thị D có đơn đề nghị với nội dung: anh K kết hôn với chị H từ năm 2012, gia đình thống nhất cho hai vợ chồng anh chị Kiên, Hậu 01 mảnh đất để xây dựng nhà và sử dụng. Đến nay hai anh chị ly hôn, ông bà không có ý kiến gì đối với mảnh đất mà ông bà đã cho anh chị Kiên, Hậu nữa, việc phân chia tài sản do anh K và chị H quyết định.

* Tại Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 01/2021/HNGĐ-ST ngày 18 tháng 10 năm 2021, Tòa án nhân dân huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La đã Quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; khoản 1 Điều 33; Điều 38; điểm a khoản 2 Điều 62; khoản 3 Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 459 Bộ luật dân sự; Án lệ số 03/2016.

Căn cứ khoản 1, 2, 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a, b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử cho chị Trần Thị H và anh Nguyễn Trung K được ly hôn.

2. Giao cháu Nguyễn An Ng, sinh ngày 14/5/2015 cho anh Nguyễn Trung K trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi.

Giao cháu Nguyễn Ngọc Minh C, sinh ngày 14/7/2017 cho chị Trần Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi.

Không bên nào phải đóng góp tiền nuôi con cho bên nào.

Không ai được cản trở quyền trông nom, thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau khi ly hôn.

3. Về tài sản chung:

- Giao cho chị Trần Thị H được quyền sử dụng 260,9 m^2 diện tích đất loại đất hàng năm khác theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Trần Thị H và Nguyễn Trung K; Quyết định số 3128/QĐ-UBND ngày 19/02/2020 của UBND huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La cấp có vị trí tiếp giáp như sau:

Phía Đông giáp Trạm Y tế xã CS, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La tính từ giáp đất của nhà bà Sáu (điểm B) đến giáp phần đất của anh Nguyễn Trung K (điểm D) có chiều dài là 13,9m; Phía Tây giáp đường xóm có chiều dài tính giáp từ đất ông Hùng (điểm A) đến giáp đất của anh Nguyễn Trung K (điểm C) là 13,96m. Phía Nam giáp đất nhà ông H1, nhà bà H2, nhà bà S có chiều dài tính từ mép đường bê tông (điểm A) đến hết phần tường xây giáp Trạm Y tế xã CS (điểm B) dài 20,31m. Phía Bắc giáp đất anh Nguyễn Trung K (tính từ điểm C đến điểm D) có chiều dài 17,60m.

Trên đất có 03 cây Bơ, 03 cây Nhãn, 02 cây Mít, tổng trị giá tiền cây là 2.750.000đ; 01 chuồng lợn lợp Proximăng, nền láng vữa xi măng trị giá 796.824đ; Tường rào xây bao quanh trị giá là 1.769.000đ.

Trị giá 260,9m^2 đất là 184.283.845 đồng *(Một trăm tám mươi tư triệu, hai trăm tám mươi ba nghìn, tám trăm bốn mươi lăm đồng).*

Tổng trị giá tài sản chị H được sử dụng thành tiền là 189.599.669đ *(Một trăm tám mươi chín triệu, năm trăm chín mươi chín nghìn, sáu trăm sáu chín đồng).*

- Giao cho anh Nguyễn Trung K được quyền sử dụng diện tích đất 305,4m^2 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Trần Thị H và Nguyễn Trung K; Quyết định số 3128/QĐ - UBND ngày 19/02/2020 của UBND huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La cấp, trong đó có 200m^2 là ở lâu dài và 105,4m^2 đất HNK diện tích đất có vị trí tiếp giáp như sau:

Phía Đông giáp Trạm Y Tế xã CS, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La tính từ (Điểm D) giáp đất của chị Trần Thị H đến hết phần đất (điểm E) có chiều dài là 20,0m.

Phía Bắc giáp đường xóm (tính từ điểm E) đến đến giáp đường bê tông xóm (điểm Đ) có chiều dài là 13,3 m. Phía Tây giáp đường xóm (tính từ điểm C) giáp đất nhà chị H đến hết phần đất (đến điểm Đ) có chiều dài là 20,53m. Phía Nam giáp đất nhà chị H (tính từ điểm C đến điểm D) dài 17,6m.

Trên đất có nhà 01 tầng, tường chịu lực 10mm, mái lợp tôn lạnh, nền láng vữa xi măng, trị giá còn lại: 155.275.872đ. Nhà vệ sinh tường xây gạch 110mm, mái lợp Pro ximăng, nên láng vữa ximăng, giá trị còn lại: 2.020.982đ. Mái tôn, khung thép hộp giá trị còn lại: 1.616.160đ. Cổng sắt giá trị còn lại: 1.278.000đ. Tường rào xây bao quanh trị giá là 2.000.095đ. Nền láng vữa xi măng giá trị còn lại: 784.992đ. 01 cây bơ trị giá 530.000đ.

Phần đất của anh Nguyễn Trung K gồm đất thổ cư là 200m^2 và đất hàng năm khác là 105,4 m^2, trị giá là 215.715.930đ *(Hai trăm mười lăm triệu, bảy trăm mười lăm nghìn, chín trăm ba mươi đồng)*. Tổng trị giá tài sản anh K được sử dụng cả nhà và đất, cây ăn quả là 379.222.031đ *(Ba trăm bảy mươi chín triệu, hai trăm hai mươi hai nghìn, không trăm ba mươi mốt đồng)*.

- Anh Nguyễn Trung K không phải trả tiền chênh lệch tài sản cho chị Trần Thị H.

4. Về nợ chung: Anh Nguyễn Trung K và chị Trần Thị H đều xác định không có nợ ai, nên không đề cập việc giải quyết.

5. Không chấp nhận yêu cầu đối với yêu cầu của bà Ngô Thị D và ông Nguyễn Văn Đ về việc đòi lại diện tích đất đã cho anh K và chị H.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về lãi suất chậm trả, chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo cho các bên đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 26/10/2021, bị đơn anh Nguyễn Trung K kháng cáo bản án sơ thẩm với lý do: Không nhất trí về việc giao cho chị Trần Thị H diện tích 260,9m^2 đất trồng cây hàng năm khác; anh K có nguyện vọng chia lại tài sản chung và nhận sử dụng 300m^2 đất trồng cây hàng năm khác; còn nhà, đất ở và một phần đất hàng năm khác sẽ để lại cho chị H và con gái sử dụng, đồng thời yêu cầu chị H phải thanh toán giá trị chênh lệch của tài sản và không nhất trí chịu án phí có giá ngạch là 18.961.000đ (*Mười tám triệu chín trăm sáu mươi mốt nghìn đồng*).

*** Tại phiên tòa phúc thẩm:**

- Bị đơn anh Nguyễn Trung K giữ nguyên nội dung kháng cáo, đề nghị chia lại tài sản chung của vợ chồng, theo đó anh K đề nghị được sử dụng 300m^2 đất trồng cây hàng năm khác; tài sản còn lại gồm nhà cửa, đất thổ cư và một phần đất trồng cây ăn quả đề nghị chia cho chị H và con gái; chị H phải có trách nhiệm thanh toán cho anh K giá trị chênh lệch của tài sản; ngoài ra, anh K không nhất trí chịu tiền án phí có giá ngạch như Tòa án cấp sơ thẩm đã quyết định.

- Nguyên đơn chị Trần Thị H không nhất trí với nội dung kháng cáo của anh Nguyễn Trung K, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên quyết định như bản

án sơ thẩm.

- Quan điểm giải quyết của Kiểm sát viên:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện và chấp hành đầy đủ, đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn kháng cáo của bị đơn về hình thức; không chấp nhận kháng cáo của bị đơn về nội dung; giữ nguyên quyết định của Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2021/HNGĐ-ST ngày 18 tháng 10 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa; căn cứ kết quả tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1]. Về quan hệ hôn nhân và con chung:

Chị Trần Thị H và anh Nguyễn Trung K đều thừa nhận, anh chị kết hôn ngày 05/7/2012 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phục Linh, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên. Sau khi chung sống một thời gian, anh chị phát sinh mâu thuẫn, đến tháng 10/2020 thì anh chị sống ly thân. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng đã trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Toà án cấp sơ thẩm đã giải quyết ly hôn cho chị H và anh K là phù hợp với quy định của pháp luật.

Quá trình chung sống, anh chị có 02 con chung là cháu Nguyễn An Ng, sinh ngày 14/5/2015 và cháu Nguyễn Ngọc Minh C, sinh ngày 14/7/2017. Chị H có nguyện vọng xin nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Ngọc Minh C, anh Nguyễn Trung K nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn An Ng và không bên nào phải đóng góp phí tổn nuôi con chung cho bên nào. Anh K có nguyện vọng được nuôi dưỡng, giáo dục cả hai cháu và yêu cầu chị H phải đóng góp phí tổn nuôi cháu Nguyễn Ngọc Minh C một tháng là 3.000.000đ.

Xét thấy, anh K và chị H có 02 con chung đều còn nhỏ, cháu Ng là con trai đến nay gần 7 tuổi, cháu C là con gái hiện nay gần 5 tuổi, anh chị đều có điều kiện kinh tế và khả năng nuôi dưỡng, giáo dục các cháu trưởng thành nên việc Tòa án cấp sơ thẩm giao cháu Ng cho anh K, cháu C cho chị H nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục các cháu cho đến khi đủ 18 tuổi, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp với hoàn cảnh, điều kiện kinh tế và sự phát triển tâm sinh lý của các cháu sau này.

Tại cấp phúc thẩm, chị Trần Thị H và anh Nguyễn Trung K vẫn giữ nguyên quan điểm giải quyết về quan hệ hôn nhân, con chung như Toà án cấp sơ thẩm đã xét xử và không có kháng cáo nên được Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm chấp nhận.

[2]. Xét kháng cáo của anh Nguyễn Trung K:

2.1. Về tài sản chung:

Quá trình giải quyết vụ án, chị H và anh K đều thừa nhận trong thời kỳ hôn nhân đã tạo Dng được khối tài sản gồm: 01 thửa đất có diện tích 566,3m^2 và công trình xây Dng nhà ở trên đất tại tiểu khu X, xã CS, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La. Tài sản khác gồm: 01 ti vi nhãn hiệu Sam Sung trị giá 10.000.000đ; 01 điều hòa trị giá 8.000.000đ; 01 tủ lạnh trị giá 4.000.000đ; 01 máy giặt trị giá 5.000.000đ. Đối với tài sản là nhà và đất, anh chị đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật, còn các tài sản khác anh chị tự phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nguồn gốc tài sản là nhà và đất tại Tiểu khu X, xã CS, huyện Mộc Châu: Anh K và chị H đều thừa nhận do bố mẹ đẻ anh K là ông Nguyễn Văn Đ và bà Ngô Thị D tặng cho sau khi anh chị kết hôn, khi tặng cho ông bà không lập giấy tờ tặng cho, đến nay cũng không có ý kiến gì về thửa đất đã tặng cho; diện tích đất anh K, chị H sử dụng ổn định hiện đã được Ủy ban nhân dân huyện Mộc Châu cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Nguyễn Trung K, Trần Thị H vào ngày 19/02/2020.

Ngày 13/4/2021, Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ, xác định: Hiện trạng thửa đất anh K, chị H đang quản lý, sử dụng có tổng diện tích 566,3m^2; trong đó có 200m^2 đất ở tại nông thôn và 366,3m^2 đất trồng cây hàng năm; trên đất có 01 nhà xây một tầng, các công trình phụ trợ khác và trồng cây ăn quả. Do tài sản chung có thể phân chia được bằng hiện vật, nên Tòa án cấp sơ thẩm đã chia cho anh K được quản lý, sử dụng 200m^2 đất ở và 108,7m^2 đất trồng cây hàng năm (*vị trí liền kề với diện tích đất ở*), cùng với công trình là nhà xây một tầng và các công trình phụ trợ khác; chia cho chị H quản lý, sử dụng 260,9m^2 đất trồng cây hàng năm và tài sản trên đất, đồng thời chấp nhận đề nghị của chị H về việc không yêu cầu anh K thanh toán giá trị chênh lệch của tài sản.

Sau khi xét xử sơ thẩm, anh Nguyễn Trung K kháng cáo, không nhất trí, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm phân chia lại tài sản. Xét thấy, việc Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết, phân chia tài sản chung gồm đất và tài sản trên đất như trên là phù hợp; bởi lẽ: Xét về nguồn gốc đất là do bố, mẹ đẻ anh K tặng cho sau khi anh K, chị H kết hôn; các tài sản trên đất gồm nhà xây một tầng, công trình phụ và cây trồng trên đất đều do anh chị tạo Dng trong thời kỳ hôn nhân; thửa đất phân chia cho anh K và chị H đều có đường giao thông đi lại thuận tiện, mặc dù anh K được chia phần tài sản có giá trị nhiều hơn nhưng chị H không có ý kiến gì, bản thân chị H cũng không yêu cầu anh K phải thanh toán giá trị chênh lệch của tài sản và nhất trí như phân chia tài sản của Tòa án cấp sơ thẩm. Tại cấp phúc thẩm, chị H vẫn

giữ nguyên quan điểm, không nhất trí phân chia lại tài sản như anh K yêu cầu; anh K không cung cấp được tài liệu, chứng cứ mới chứng minh cho việc kháng cáo của mình. Do đó, không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bị đơn anh Nguyễn Trung K, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La về việc phân chia tài sản chung của vợ chồng.

2.2. Về án phí có giá ngạch:

Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành định giá tài sản chung của vợ chồng để làm cơ sở phân chia theo quy định. Tổng giá trị tài sản anh Nguyễn Trung K được hưởng có giá trị 379.222.031đ *(Ba trăm bảy mươi chín triệu, hai trăm hai mươi hai nghìn, không trăm ba mươi mốt đồng)*. Căn cứ khoản 1, 2, 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Toà án. Toà án cấp sơ thẩm buộc anh Nguyễn Trung K phải chịu án phí tranh chấp tài sản có giá ngạch 18.961.000đ *(Mười tám triệu chín trăm sáu mươi mốt nghìn đồng)* là đúng theo quy định của pháp luật.

Anh Nguyễn Trung K kháng cáo không nhất trí chịu tiền án phí tranh chấp tài sản có giá ngạch là 18.961.000đ *(Mười tám triệu chín trăm sáu mươi mốt nghìn đồng)*, nhưng không đưa ra được căn cứ, tài liệu chứng minh cho nội dung kháng cáo này, dó đó không có cơ sở chấp nhận.

Từ những phân tích, nhận định nêu trên, xét thấy không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bị đơn anh Nguyễn Trung K, cần giữ nguyên Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 01/2021/HNGĐ-ST ngày 18 tháng 10 năm 2021 của Toà án nhân dân huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên anh Nguyễn Trung K phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 17; khoản 1 Điều 308; Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn anh Nguyễn Trung K.

Giữ nguyên Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 01/2021/HNGĐ-ST ngày 18 tháng 10 năm 2021 của Toà án nhân dân huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La về phần tài sản chung và án phí sơ thẩm có giá ngạch, như sau:

1.1. Giao cho chị Trần Thị H được quyền sử dụng diện tích 260,9 m^2 đất, loại đất hàng năm khác theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Trần Thị H

và Nguyễn Trung K; Quyết định số 3128/QĐ-UBND ngày 19/02/2020 của UBND huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La cấp có vị trí tiếp giáp như sau:

Phía Đông giáp Trạm Y tế xã CS, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La tính từ giáp đất của nhà bà Sáu (điểm B) đến giáp phần đất của anh Nguyễn Trung K (điểm D) có chiều dài là 13,9m. Phía Tây giáp đường xóm có chiều dài tính giáp từ đất ông Hùng (điểm A) đến giáp đất của anh Nguyễn Trung K (điểm C) là 13,96m. Phía Nam giáp đất nhà ông H1, nhà bà H2, nhà bà S có chiều dài tính từ mép đường bê tông (điểm A) đến hết phần tường xây giáp Trạm Y tế xã CS (điểm B) dài 20,31m. Phía Bắc giáp đất anh Nguyễn Trung K (tính từ điểm C đến điểm D) có chiều dài 17,60m.

Phần diện tích 260.9m^2 đất chị Trần Thị H được quyền sử dụng trị giá là 184.283.845 đồng *(Một trăm tám mươi tư triệu, hai trăm tám mươi ba nghìn, tám trăm bốn mươi lăm đồng)*.

Trên đất có 03 cây Bơ, 03 cây Nhãn, 02 cây Mít, tổng trị giá là 2.750.000đ; 01 chuồng lợn lợp Proximăng, nền láng vữa xi măng trị giá là 796.824đ; Tường rào xây bao quanh trị giá là 1.769.000đ.

Tổng trị giá tài sản chị H được sử dụng thành tiền là 189.599.669đ *(Một trăm tám mươi chín triệu, năm trăm chín mươi chín nghìn, sáu trăm sáu mươi chín đồng)*.

1.2. Giao cho anh Nguyễn Trung K được quyền sử dụng diện tích 305,4m^2 đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Trần Thị H và Nguyễn Trung K; Quyết định số 3128/QĐ-UBND ngày 19/02/2020 của UBND huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La cấp. Trong đó có 200m^2 đất ở lâu dài và 105,4m^2 đất HNK, diện tích đất có vị trí tiếp giáp như sau:

Phía Đông giáp Trạm Y Tế xã CS, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La tính từ (Điểm D) giáp đất của chị Trần Thị H đến hết phần đất (điểm E) có chiều dài là 20,0m. Phía Bắc giáp đường xóm (tính từ điểm E) đến đến giáp đường bê tông xóm (điểm Đ) có chiều dài là 13,3 m. Phía Tây giáp đường xóm (tính từ điểm C) giáp đất nhà chị H đến hết phần đất (đến điểm Đ) có chiều dài là 20,53m. Phía Nam giáp đất nhà chị H (tính từ điểm C đến điểm D) dài 17,6m.

Phần đất anh Nguyễn Trung K được quyền sử dụng gồm đất thổ cư là 200,0m^2 và đất hàng năm khác là 105,4 m^2, trị giá là 215.715.930đ *(Hai trăm mười lăm triệu, bảy trăm mười lăm nghìn, chín trăm ba mươi đồng)*.

Trên đất có nhà 01 tầng, tường chịu lực 10mm, mái lợp tôn lạnh, nền láng vữa xi măng, trị giá còn lại: 155.275.872đ. Nhà vệ sinh tường xây gạch 110mm, mái lợp Pro ximăng, nên láng vữa ximăng, giá trị còn lại: 2.020.982đ. Mái tôn, khung thép hộp giá trị còn lại: 1.616.16đ. Cổng sắt giá trị còn lại: 1.278.000đ. Tường rào xây bao quanh trị giá: 2.000.095đ. Nền láng vữa xi măng giá trị còn lại: 784.992đ. 01 cây bơ trị giá: 530.000đ.

Tổng trị giá tài sản anh K được sử dụng cả nhà và đất, cây ăn quả là 379.222.031đ *(Ba trăm bảy mươi chín triệu, hai trăm hai mươi hai nghìn, không trăm ba mươi mốt đồng).*

Anh Nguyễn Trung K không phải trả tiền chênh lệch trị giá tài sản cho chị Trần Thị H.

1.3. Về án phí có giá ngạch: Anh Nguyễn Trung K phải chịu án phí tranh chấp tài sản có giá ngạch là 18.961.000đ (*Mười tám triệu chín trăm sáu mươi mốt nghìn đồng*).

2. Về án phí phúc thẩm: Anh Nguyễn Trung K phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)*, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* đã nộp theo Biên lai thu số 0000547 ngày 26 tháng 10 năm 2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La.

3. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm về quan hệ hôn nhân, con chung, nợ chung của vợ chồng, án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án Hôn nhân gia đình phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án (ngày 21/8/2022).

Nơi nhận:
- VKS nhân dân tỉnh Sơn La;
- Tòa án nhân dân huyện Mộc Châu;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La;
- UBND xã CS;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phạm Tuấn Minh